

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính
thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Nội vụ**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26/3/2025 của Chính phủ về Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2025 và 2026;

Căn cứ Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ngày 14/11/2025 của Chính phủ Quy định cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính dựa trên dữ liệu;

Căn cứ Công văn số 7422/BTP-CTXDVBQPPL ngày 19/11/2025 về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP quy định cắt giảm, đơn giản hoá thủ tục hành chính dựa trên dữ liệu;

Căn cứ Kế hoạch 254/KH-UBND ngày 16/4/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về thực hiện Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26/3/2025 của Chính phủ về Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2025 và 2026;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 833/TTr-SNV ngày 04/12/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này Phương án đơn giản hóa 10 thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Nội vụ.

Điều 2. Giao Sở Nội vụ tham mưu, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công bố lại thời gian giải quyết; phê duyệt quy trình nội bộ, quy trình điện tử trong giải quyết thủ tục hành chính được đơn giản hoá.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Bãi bỏ Mục III Phương án ban hành kèm theo Quyết định số 2632/QĐ-UBND ngày 18/8/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An về việc phê duyệt Phương án đơn giản hoá thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh Nghệ An năm 2025.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các Ban, Ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Cục KSTTHC (VPCP);
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, KSTT (V).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Phùng Thành Vinh

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

PHƯƠNG ÁN

Đơn giản hóa thủ tục hành chính

thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Nội vụ

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /12/2025
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An)*

1. Cấp giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm

1.1. Nội dung đơn giản hóa

Giảm thời gian giải quyết từ 07 ngày làm việc xuống còn 05 ngày làm việc.

1.2. Lợi ích của đơn giản hóa

Tỷ lệ cắt giảm thời gian thực hiện: 28,6%.

2. Cấp giấy phép lao động đối với người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam

2.1. Nội dung đơn giản hóa

Cắt giảm thời gian giải quyết từ 10 ngày làm việc xuống còn 07 ngày làm việc đối với trường hợp chấp thuận nhu cầu và cấp giấy phép lao động.

2.2. Lợi ích của đơn giản hóa

Tỷ lệ cắt giảm thời gian thực hiện: 30%.

3. Gia hạn giấy phép lao động đối với người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam

3.1. Nội dung đơn giản hóa

Cắt giảm thời gian giải quyết từ 10 ngày làm việc xuống còn 07 ngày làm việc

3.2. Lợi ích của đơn giản hóa

Tỷ lệ cắt giảm thời gian thực hiện: 30%.

4. Khai báo với Sở Nội vụ địa phương khi đưa vào sử dụng các loại máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động

4.1. Nội dung đơn giản hóa

Giảm thời gian giải quyết từ 05 ngày xuống còn 03 ngày.

4.2. Lợi ích của đơn giản hóa

Tỷ lệ cắt giảm thời gian thực hiện: 40%.

5. Thủ tục hành chính: Cấp Giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động

5.1. Nội dung đơn giản hóa

Cắt giảm thời gian giải quyết TTHC từ 27 ngày làm việc xuống còn 22 ngày làm việc.

5.2. Lợi ích của đơn giản hóa

Tỷ lệ cắt giảm thời gian thực hiện: 18,52%.

6. Thủ tục hành chính: Cấp lại Giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động

6.1. Đối với trường hợp doanh nghiệp thay đổi địa chỉ trụ sở chính sang địa bàn cấp tỉnh khác so với nơi đã được cấp giấy phép

- Nội dung đơn giản hóa

Giảm thời gian giải quyết từ 27 ngày làm việc còn 22 ngày làm việc.

- Lợi ích của đơn giản hóa

Tỷ lệ cắt giảm thời gian thực hiện: 18,52%.

6.2. Đối với trường hợp doanh nghiệp thay đổi một trong các nội dung của giấy phép đã được cấp (gồm: tên doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính nhưng vẫn trên địa bàn cấp tỉnh đã cấp giấy phép, người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp); giấy phép bị mất; giấy phép bị hư hỏng không còn đầy đủ thông tin trên giấy phép

- Nội dung đơn giản hóa

Giảm thời gian giải quyết từ 22 ngày làm việc còn 15 ngày làm việc đối với trường hợp Giấy phép có thay đổi nội dung; bị mất; hư hỏng.

- Lợi ích của đơn giản hóa

Tỷ lệ cắt giảm thời gian thực hiện: 31,82%.

7. Thủ tục hành chính: Gia hạn Giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động

7.1. Nội dung đơn giản hóa

Giảm thời gian giải quyết từ 22 ngày làm việc còn 15 ngày làm việc.

7.2. Lợi ích của đơn giản hóa

Tỷ lệ cắt giảm thời gian thực hiện: 31,82%.

8. Thủ tục hành chính: Thu hồi Giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động

8.1. Nội dung đơn giản hóa

Cắt giảm thời hạn giải quyết TTHC từ 17 ngày làm việc còn 15 ngày làm việc.

8.2. Lợi ích của đơn giản hóa

Tỷ lệ cắt giảm thời gian thực hiện: 11,76%.

9. Thủ tục hành chính: Đăng ký Nội quy lao động của doanh nghiệp

9.1. Nội dung đơn giản hóa

Cắt giảm thời hạn giải quyết TTHC từ 07 ngày làm việc còn 05 ngày làm việc.

9.2. Lợi ích của đơn giản hóa

Tỷ lệ cắt giảm thời gian thực hiện: 28,57%.

10. Cấp, cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ lưu trú

10.1. Nội dung đơn giản hóa

Giảm thành phần hồ sơ phải nộp “Bản sao hợp lệ (bao gồm bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao chứng thực hoặc bản sao chứng thực điện tử hoặc bản sao đối chiếu với bản chính) giấy chứng nhận hoặc giấy phép tương đương với giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hợp lệ khác theo quy định của pháp luật về đầu tư và pháp luật về doanh nghiệp”, thay vào đó dữ liệu được tra cứu trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (nếu có).

10.2. Lợi ích của đơn giản hóa

Giảm giấy tờ phải nộp của cá nhân, tổ chức.

10.3. Kiến nghị thực thi

Bãi bỏ quy định tại điểm b Khoản 3, điểm b Khoản 4 Điều 38, điểm b Khoản 2 Điều 39 Nghị định số 113/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Lưu trú./.